TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:29/2024/HSST
Ngày: 08-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông **Nguyễn Văn Thư.**

Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

- Thư ký phiên tòa : Ông **Đặng Tư Thình** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hương –** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 117/2023/TL-HSST ngày 18 tháng 12 năm 2023; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 04/2024/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ tên: **Phan Văn D**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1988 tại Núi Thành, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Phan Văn Bình, sinh năm 1966 và bà Trần Thị L, sinh năm: 1964, cùng trú: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vợ: Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

+ Ngày 14/8/2020 bị Chủ tịch UBND huyện Núi Thành ra Quyết định xử phạt vi phạt hành Ch về hành vi "Hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự", "Người chủ hoặc người có trách nhiệm quản lý nhà hàng, cơ sở cho thuê lưu trú, câu lạc bộ, các phương tiện giao thông và các nơi khác để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực, phương tiện mình quản lý" với số tiền 3.000.000 đồng (chưa chấp hành).

+ Ngày 23/8/2021 bị Chủ tịch UBND huyện Núi Thành ra Quyết định xử phạt vi phạm hành Ch về hành vi "Hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự", "Người chủ hoặc người có trách nhiệm quản lý nhà hàng, cơ sở cho thuê lưu trú, câu lạc bộ, các phương tiện giao thông và các nơi khác để cho người khác

lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực, phương tiện mình quản lý" với số tiền 50.000.000 đồng (chưa chấp hành).

Nhân thân:

- Bản án số 09/2023/HSST ngày 15/02/2023, Toà án nhân dân huyện Núi Thành xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Bản án số 17/2024/HSST ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 108/2023/HSPT của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 08/6/2023, buộc bị cáo D chấp hành hình phạt chung 19 năm tù.

Bị cáo bị giam trong vụ án khác. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Ông Đỗ Duy Ch, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Kh, tỉnh H. Ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1997, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Công T, sinh năm: 1970, trú tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1971, trú tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10 năm 2019, Phan Văn D cùng vợ là bà Trần Thị Mỹ H muốn đầu tư kinh doanh nên đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK332640, thửa 415, tờ bản đồ số 28 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q cấp ngày 25/12/2017 thế chấp tại Ngân hàng TMCP An Bình, chi nhánh Quảng Nam với số tiền gần sáu tỷ đồng. Sau khi thế chấp vay vốn về kinh doanh khách sạn và vận tải nH bị thua lỗ nên bị cáo D bán xe. Thông qua việc mua bán xe, D quen biết với Đỗ Duy Ch nên vay của Ch số tiền 3.974.385.000 đồng để làm ăn và trả nợ. Ch đồng ý cho D vay và nhiều lần chuyển tiền cho D, đến thời hạn trả nợ D hứa hẹn nhiều lần nH không trả được.

Đầu tháng 6/2021, ông Ch yêu cầu D lập hợp đồng vay tiền và thống nhất để D và Trần Thị Mỹ H uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn D đứng ra bán thửa đất 415, tờ bản đồ số 28 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q để giải quyết nợ cho ông Ch. Tuy nhiên ông D không bán được đất nên hai bên huỷ hợp đồng uỷ quyền của D và H cho D. D muốn bà H uỷ quyền cho mình toàn quyền định đoạt đối với thửa đất này nên nhiều lần yêu cầu bà H ký vào hợp đồng uỷ quyền nH bà H không đồng ý. Bà H yêu cầu D phải lấy giấy chứng nhận thửa đất từ ngân hàng

về và chuyển thêm cho bà H số tiền 500.000.000 đồng thì bà H mới đồng ý uỷ quyền cho D.

Giữa tháng 6/2021, do muốn bà H tin tưởng ký hợp đồng uỷ quyền cho mình bán thửa đất nêu trên nên D lên mạng xã hội tìm kiếm kết bạn với một chủ tài khoản không nhớ rõ tên nhận làm giả giấy tờ. D dùng messenger của mình mang tên "Phan D" liên hệ để đặt làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được chủ tài khoản này đồng ý và yêu cầu số tiền 4.000.000 đồng/ 1 sổ. D đồng ý nên chụp lại bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 415, tờ bản đồ số 28 do ông Trần Công T và bà Trần Thị Kim L đứng tên và thông tin cá nhân, địa chỉ của mình rồi gửi cho đối tượng làm giả nói trên. Sau mười ngày, nhân viên giao hàng gọi điện cho D hẹn giao hàng trước cổng bệnh viện đa khoa trung ương Quảng Nam. D đến gặp nhân viên nhận hàng và đưa cho nhân viên giao hàng số tiền 4.000.000 đồng. D đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận được về bỏ vào tập hồ sơ của D.

Đầu tháng 12/2021, ông Ch nhiều lần đến khách sạn Duy Khánh của D để đòi nợ nH D vẫn chưa trả được. D hứa sau khi bán được đất thửa 415 và tài sản trên đất thì trả nợ cho ông Ch. Ngày 27/12/2021, ông Ch tiếp tục đến khách sạn của D để đòi nợ, tại đây, D đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả, giấy chứng minh, sổ hộ khẩu cho Ch xem mục đích làm cho ông Ch tin tưởng D có hướng trả nợ cho ông Ch để ông Ch không gây áp lực đòi nợ D trong thời gian tới nữa. D có trao đổi với Ch về việc mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào gặp H để bà H đồng ý ký giấy uỷ quyền cho D đứng bán trả nợ cho ông Ch. Ông Ch nghe D nói vậy thì lấy xem và lấy điện thoại chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lưu lại. Sau khi xem giấy từ xong, ông Ch nói D sau khi được uỷ quyền thì sang tên cho ông Ch tự bán, còn dư tiền sẽ trả lại cho D thì D đồng ý. D và Ch thống nhất cùng nhau đi vào gặp bà H để bàn bạc về việc uỷ quyền cho D.

Ngày 28/12/2021, D mang tập hồ sơ có giấy chứng nhận quyền sử đụng dất giả cùng ông Ch, D vào gặp bà H. Tại nhà bà H, D trao đổi muốn bà H uỷ quyền cho mình để đứng bán thửa đất thì bà H hỏi D "lấy sổ về rồi hả?", D trả lời "lấy sổ về rồi". Nghe vậy H đồng ý uỷ quyền cho D. H hỏi số tiền mà khách trả giá thửa đất bao nhiêu thì ông Ch trả lời là 7.000.000.000 đồng. Bà H muốn 15 ngày nữa sẽ trả lời về việc ký giấy uỷ quyền cho D, các bên thống nhất nên cả hai về lại khách sạn của D. Khi về khách sạn thì D để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hồ sơ trên xe của ông Ch. Sáng ngày 29/12/2021 thì ông Ch điều khiển xe về Đăk Lăk để xử lý công việc cá nhân.

Đến ngày 27/10/2022, ông Ch mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK332640, thửa 415, tờ bản đồ số 28 của hộ ông Trần Công Tư và bà Trần Thị Kim Lợi cùng trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q đến Văn phòng đăng ký đất đai Núi Thành để kiểm tra số thửa, tờ bản đồ thì bị nghi vấn là giả. Đến ngày 14/11/2022, ông Ch đến cơ quan công an huyện Núi Thành trình bày sự việc.

Tại kết luận giám định số 171/KL-KTHS ngày 19/12/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam xác định: 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành GCN CK332640, số vào sổ cấp GCN: CS10556, thửa 415, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Sơn, xã Tam Hiệp, huyệnu Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; đề ngày cấp 25/12/2021, cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam mà Phan Văn D đặt làm trên mạng – là giả.

Tại cáo trạng số 67/CT-VKS-NT ngày 27/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Phan Văn D về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà ngày 19/9/2023, Hội đồng xét xử sơ thẩm Toà án nhân dân huyện Núi thành xét thấy có căn cứ cho rằng hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" còn có đồng phạm khác nhưng chưa được Cơ quan điều tra làm rõ đối với đồng phạm này; thiếu chứng cứ chứng minh một trong những vấn đề tại điều 85 Bộ luật tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên toà được, quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành điều tra bổ sung làm rõ: - Hành vi trái pháp luật của bị cáo Phan Văn D là hành vi gì? Đối với ai? Gây hậu quả như thế nào?; Làm rõ hành vi cung cấp thông tin, gửi bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và địa chỉ của mình để thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Phan Văn D có dấu hiệu đồng phạm với đối tượng khác.

Tại cáo trạng số 04/CT-VKS-NT ngày 12/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Phan Văn D về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Văn D về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", áp dụng khoản 1 Điều 341 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn D từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 19 năm tù theo bản án số 17/2024/HSST ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành để tuyên hình phạt chung đối với bị cáo. Về vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành GCN CK332640, số vào sổ cấp GCN: CS10556, thửa 415, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q; đề ngày cấp 25/12/2021, cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử xác định: Với mục đích để bà H tin tưởng lập hợp đồng uỷ quyền cho bị cáo định đoạt quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 415, tờ bản đồ số 28 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q, bị cáo Phan Văn D đã thông qua mạng xã hội cung cấp thông tin đặt làm giả 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (có số phát hành GCN CK332640, số vào sổ cấp GCN: CS10556, thửa 415, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q; đề ngày cấp 25/12/2021, cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam). Ngày 27/12/2021, bị cáo có hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả nêu trên đưa cho ông Đỗ Duy Ch xem, để ông Ch tin tưởng từ đó giảm bớt áp lực đòi nợ đối với D. Tiếp theo, bị cáo D cùng ông Ch mang theo giấy tờ giả này vào gặp bà H nhằm mục đích để cho bà H xem tin tưởng và lập hợp đồng uỷ quyền cho D được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất 415, tờ bản đồ số 28 tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q. Trong quá trình giữ giấy chứng nhận giả (ông Ch không biết giấy tờ giả), ông Ch mang đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Núi Thành để kiểm tra thì phát hiện là giả và trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành. Hành vi của bị cáo D đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và hình phạt áp dụng thấy: Hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của D nhằm mục đích lập hợp đồng uỷ quyền từ bà H sang cho D và nhằm để ông Ch là người cho D vay tiền nhìn thấy, tin tưởng D có hướng trả nợ mà không gây áp lực với D là hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý hành Ch của Nhà nước. Bị cáo D là người đã thành niên, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc sử dụng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất giả là trái pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[3.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để cân nhắc mức hình phạt phù hợp cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này bị cáo còn bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 09/2023/HSST ngày 15/02/2023 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành và tội mua bán trái phép chất

ma tuý và tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo bản án số 17/2024/HSST ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành, do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[4] Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo hiện đang bị giam trong vụ án khác, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành GCN CK332640, số vào sổ cấp GCN: CS10556, thửa 415, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Sơn, xã Tam Hiệp, huyệnu Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; đề ngày cấp 25/12/2021, cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam, là giấy tờ giả cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác có liên quan:

[8.1] Đối với hành vi cung cấp thông tin cá nhân và giấy tờ có liên quan của bị cáo D cho đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có dấu hiệu đồng phạm với đối tượng làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, tuy nhiên không có cơ sở xác định lai lịch đối tượng làm giả nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành tách ra làm rõ xử lý sau.

[8.2] Đối với ông Ch, D có hành vi đi cùng D vào gặp bà H để bàn bạc việc lập hợp đồng uỷ quyền từ cho D được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất 415, tờ bản đồ số 28; sau đó ông Ch cất giữ tuy nhiên ông Ch và ông D không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK332640 do D cung cấp là giả nên không đề cập xử lý đối với ông Ch, ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Phan Văn D** phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Xử phạt bị cáo: **Phan Văn D** 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" đã được tổng hợp theo bản án số 17/2024/HSST ngày 27/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Núi Thành, hình phạt hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ tạm giam 01/01/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành GCN CK332640, số vào sổ cấp GCN: CS10556, thửa 415, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Q; đề ngày cấp 25/12/2021, cơ quan cấp: Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam (đã lưu tại hồ sơ).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí: Bị cáo Phan Văn D phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ XUÂN THÙY

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.